TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ CHƠN THÀNH** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **09**/2023/KDTM-ST
Ngày: 24/8/2023
V/v tranh chấp hợp đồng kinh tế

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Thúy
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hồ Thị Xuân Thiều
Ông Nguyễn Duy Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Vi là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành tham gia phiên toà: Nguyễn Thị Lan Anh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21 và 24 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: **25**/2022/TLST-KDTM ngày 13 tháng 12 năm 2022, về việc *"tranh chấp hợp đồng kinh tế"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2023/QĐXXST-KDTM ngày 31/5/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2023/QĐST-KDTM ngày 28/6/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 69/2023/QĐST-KDTM ngày 25/7/2023, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Công ty cổ phần thương mại xây dựng điện A; Địa chỉ: phường P, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Nh- Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Chị Phạm Thị Thu Tr, sinh năm 1990- Phó giám đốc ; (có mặt ngày 21/8; xin vắng mặt ngày 24/8/2023);

Trú tại: phường X, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

- ***Bị đơn:*** Công ty TNHH May mặc Ch; Địa chỉ: khu công nghiệp M, phường M, thị xã C, tỉnh Bình Phước. Người đại diện theo pháp luật: ông Hsi;

Đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị Đ, sinh năm 1994 (có mặt)

Chức vụ: Trợ lý giám đốc.

Trú tại: xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty cổ phần thương mại xây dựng điện A trình bày:

Do Công ty TNHH May mặc Ch (viết tắt là công ty Ch) xảy ra sự cố mất điện nên có liên hệ với Công ty cổ phần thương mại xây dựng điện A (viết tắt là công ty A) đề nghị cung cấp dịch vụ, sau khi khảo sát sự cố phía công ty A đưa ra bảng báo giá vào ngày 01/9/2022 và được phía công ty Ch đồng ý. Vì vậy, vào

ngày 05/9/2022, hai công ty có ký kết hợp đồng kinh tế số 0509/HĐKT/AN-CL với công việc hai bên thỏa thuận: Công ty A có trách nhiệm khảo sát, lập phương án bảo trì, cung cấp vật tư, thiết bị thay thế, thí nghiệm toàn bộ thiết bị TBA 1600KVA, liên hệ Live – Line, điện lực Chơn Thành- Bình Phước làm công tác nghiệm thu đóng điện tái lập, thời hạn xử lý sự cố là 07 ngày kể từ ngày 05/9 đến hết ngày 12/9/2022. Sau khi ký hợp đồng phía công ty A thực hiện công việc như đã cam kết và đóng điện cho bị đơn. Nhưng xảy ra sự cố mất điện 02 lần, lần đầu là vào ngày 07/9/2022 khi mới chạy thử và 02 bên chưa nghiệm thu công trình, nên sự cố này không được coi là lỗi của công ty A. Còn lần 2 bị mất điện là vào ngày 10/9/2022, sau khi các bên đã nghiệm thu vào ngày 09/9/2022. Tuy nhiên, việc mất điện là do bộ điều khiển điện của công ty bị đơn, không liên quan đến thiết bị do công ty A cung cấp. Do đó, việc bị đơn công ty Chtự ý gọi nhà thầu khác vào để xử lý sự cố trong khi đó công việc vẫn đang còn trong thời hạn xử lý của công ty A mà chưa được sự đồng ý của công ty A nên việc công ty Chyêu cầu công ty A phải chia sẻ tài chính thì công ty A không chấp nhận. Ngoài ra, vấn đề bảo hành vật tư thiết bị mà công ty A vừa thay thế trước đó và uy tín của công ty A cũng bị ảnh hưởng. Chính vì vậy, do quyền lợi chính đáng của công ty A bị công ty TNHH May Mặc Ch xâm phạm nên công ty khởi kiện yêu cầu TAND thị xã Chơn Thành để được giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Buộc công ty TNHH May mặc Ch phải thanh toán đợt 2 cho Công ty cổ phần thương mại xây dựng điện A với số tiền 180.140.490 đồng *(một trăm tám mươi triệu một trăm bốn mươi nghìn bốn trăm chín mươi đồng)* theo đúng hợp đồng đã giao kết. Đồng thời phải thanh toán số tiền lãi phát sinh do chậm trả theo điều khoản mà hai bên đã ký kết trong hợp đồng, cụ thể lãi suất 10%/năm tính từ ngày 09/9/2022 đến ngày nộp đơn tạm tính là 15/11/2022 là 3.257.335 đồng.

Bị đơn công ty TNHH may mặc Ch trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án trình bày:

Ngày 31/8/2022, tủ điện cao thế của công ty Ch bị sự cố, phía công ty đã thông báo cho công ty A đến kiểm tra. Ngày 01/9/2022, tổng giám đốc công ty ký hợp đồng sửa chữa với công ty A, có nội dung phía công ty A sẽ hoàn thành và cung cấp điện bình thường trong 02 ngày với chi phí 360.280.980 đồng. Ngay sau đó công ty A tiến hành sữa chữa và chính thức đóng điện lần đầu vào tối ngày 07/9/2022. Ngày 08/9/2022, vào lúc 6 giờ 45 phút sáng thì xảy ra sự cố mất điện lần 1, đến tối cùng ngày đã khắc phục xong và phát điện lần 2. Tuy nhiên đến tối ngày 09/9/2022 vào lúc 22 giờ lại mất điện lần 2. Ngày 10/9/2022, công ty A đồng ý, nên công ty Ch đã đổi sang công ty điện lực (sau đây viết tắt là EVN) Chơn Thành tiếp nhận việc sửa chữa, đến đêm ngày 11/9/2022, EVN sửa chữa xong và phát điện bình thường. Như vậy, do phía công ty A thiếu kỹ thuật nên gây ra 02 lần mất điện, gây thiệt hại cho công ty Ch , cụ thể:

Thiệt hại về sản lượng: 145.406.250 đồng; máy dệt kim nhiều máy bị sự cố vải hư: 54.500.000 đồng; máy nén khí 100 mã lực hỏng biến tần: 9.500.000 đồng; tổng chi phí sửa chữa của EVN là 239.479.200 đồng. Vì vậy, tổng thiệt hại của công ty Chdo mất điện là 466.815.065 đồng;

Do đó, công ty Ch ngưng thanh toán 50% giá trị của hợp đồng đợt cuối với các lý do:

Công ty A có hứa miệng sẽ sửa chữa trong 02 ngày nhưng đến đêm ngày 09/9/2022 vẫn chưa phát điện được bình thường vì thiếu kỹ thuật, việc mất điện 02 lần khiến công ty Ch thiệt hại 466.815.065 đồng nên công ty A phải chịu một phần trách

nhiệm; Mặc dù trong hợp đồng ghi rõ thời gian thi công là 07 ngày nhưng trong thời gian này đã bị mất điện 02 lần và công ty A đã đồng ý nhờ EVN sửa chữa. Ngày 28/9/2022, công ty Chđã gửi thư mời công ty A đến để thương lượng thanh toán 50% đợt cuối, nhưng công ty A không đến và yêu cầu thanh toán toàn bộ chi phí 50% còn lại; Vì vậy, công ty Ch đồng ý sẽ thanh toán thông qua thương lượng lại mà không đồng ý thanh toán toàn bộ 50% chi phí còn lại là 180.140.490 đồng;

Về thu thập chứng cứ: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến triệu tập bị đơn nhiều lần để lấy lời khai, tham gia buổi họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn chỉ có mặt 01 lần và trình bày tại bản tự khai với ý kiến như trên. Do đó, Tòa án chưa thể tiến hành lấy lời khai để làm rõ một số vấn đề liên quan đến lời trình bày của bị đơn về việc không đồng ý thanh toán hợp đồng và nguyên nhân mất điện cũng như điều khoản mà hai công ty đã ký kết trong hợp đồng kinh tế số 0509/HĐKT/AN-CL ngày 05/9/2022. Vì vậy, Tòa án dựa vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và chứng cứ do bị đơn cung cấp (chưa đầy đủ) để giải quyết theo quy định tại khoản 2 Điều 91 và khoản 1 Điều 96 Bộ luật tố tụng dân sự và tiếp tục làm rõ nội dung vụ án tại phiên tòa.

Ngoài ra, ngày 30/5/2023, Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành nhận được đơn khởi kiện bổ sung của nguyên đơn Công ty cổ phần thương mại xây dựng điện A về việc khởi kiện bổ sung yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn công ty Ch . Tuy nhiên sau khi xem xét đơn khởi kiện bổ sung, Tòa án đã có thông báo không chấp nhận yêu cầu khởi kiện bổ sung với lý do yêu cầu khởi kiện bổ sung vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu.

Tại phiên tòa:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc buộc bị đơn phải thanh toán số tiền 180.140.490 đồng *(một trăm tám mươi triệu một trăm bốn mươi nghìn bốn trăm chín mươi đồng)* còn lại theo đúng hợp đồng đã giao kết. Đồng thời phải thanh toán số tiền lãi phát sinh do chậm trả từ ngày phát sinh nghĩa vụ đến ngày nộp đơn khởi kiện theo điều khoản mà hai bên đã ký kết trong hợp đồng, cụ thể lãi suất 10%/năm tính từ ngày 09/9/2022 đến ngày nộp đơn 15/11/2022 là 3.257.335 đồng *(ba triệu hai trăm năm mươi bảy nghìn ba trăm ba mươi lăm đồng),* không cung cấp bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ nào khác.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Giữ nguyên ý kiến đã trình bày và chỉ đồng ý thanh toán 1 nửa của số tiền còn lại tức là 90.000.000 đồng, không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ nào khác.

Các bên đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của BLTTDS 2015; Tuy nhiên, thời hạn chuẩn bị xét xử không đảm bảo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 203 BLTTDS; Về việc chấp hành theo quy định của pháp luật của các đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tại các Điều 70, 71 của BLTTDS năm 2015; Bị đơn không chấp hành đúng các quy định của pháp luật tại Điều 70, 72 của BLTTDS năm 2015;

Về nội dung: Đề nghị HĐXX Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần thương mại xây dựng điện A. Buộc Công ty TNHH may mặc Ch phải trả cho công ty A số tiền hợp đồng kinh tế chưa thanh toán là 180.140.490 đồng *(một trăm tám mươi triệu một trăm bốn mươi nghìn bốn trăm chín mươi đồng)* và số

tiền lãi chậm thanh toán do vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo yêu cầu của nguyên đơn và được chấp nhận một phần là 3.091.206 đồng; Không chấp nhận phần 166.129 đồng *(theo bảng lãi suất của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín chi nhánh Trung Tâm);*

Về án phí các đương sự phải chịu theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]Về quan hệ pháp luật: Theo nội dung đơn khởi kiện của Công ty cổ phần thương mại xây dựng điện A thì bị đơn công ty TNHH may mặc Ch phải thanh toán số tiền còn lại theo hợp đồng kinh tế số 0509/HĐKT/AN-CL ngày 05/9/2022 mà hai công ty đã ký kết, giữa nguyên đơn và bị đơn đều có đăng ký kinh doanh, phát sinh tranh chấp trong hoạt động kinh doanh thương mại, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là "*Tranh chấp hợp đồng kinh tế*" theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn công ty TNHH may mặc Ch có trụ sở tại Lô F4, F5 -1, F5-2, khu công nghiệp M, phường M, thị xã C, tỉnh Bình Phước do đó căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

[3] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần thương mại xây dựng điện A buộc bị đơn phải thanh toán số tiền còn nợ lại theo hợp đồng là 180.140.490 đồng *(một trăm tám mươi triệu một trăm bốn mươi nghìn bốn trăm chín mươi đồng)* theo đúng hợp đồng đã giao kết. Đồng thời phải thanh toán số tiền lãi phát sinh do chậm trả từ ngày phát sinh nghĩa vụ đến ngày nộp đơn khởi kiện theo điều khoản mà hai bên đã ký kết trong hợp đồng, cụ thể lãi suất 10%/năm tính từ ngày 09/9/2022 đến ngày nộp đơn 15/11/2022 là 3.257.335 đồng *(ba triệu hai trăm năm mươi bảy nghìn ba trăm ba mươi lăm đồng).*

Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì vào ngày 05/9/2022 giữa nguyên đơn và bị đơn có ký kết hợp đồng kinh tế số 0509/HĐKT/AN-CL với công việc hai bên thỏa thuận: Công ty A có trách nhiệm khảo sát, lập phương án bảo trì, cung cấp vật tư, thiết bị thay thế, thí nghiệm toàn bộ thiết bị TBA 1600KVA, liên hệ Live – Line, điện lực Chơn Thành- Bình Phước làm công tác nghiệm thu đóng điện tái lập, thời hạn xử lý sự cố là 07 ngày kể từ ngày 05/9 đến hết ngày 12/9/2022 giá trị hợp đồng là 360.280.980 đồng. Công ty Ch đã tạm ứng cho công ty A 50% giá trị hợp đồng tương đương số tiền 180.140.490 đồng, thoả thuận 50% còn lại sẽ thanh toán khi công trình được nghiệm thu đóng điện. Ngay sau đó công ty A tiến hành sữa chữa và chính thức đóng điện lần đầu vào tối ngày 07/9/2022; Ngày 08/9/2022, vào lúc 6 giờ 45 phút thì xảy ra sự cố mất điện lần 1, đến tối cùng ngày đã khắc phục xong và phát điện lần 2. Sáng ngày 09/9/2022, hai bên tiến hành nghiệm thu công trình và tại biên bản nghiệm thu có chữ ký và đóng dấu của 02 công ty. Tuy nhiên đến tối ngày 09/9/2022 vào lúc 22 giờ lại mất điện lần 2. Ngày 10/9/2022, công ty Ch yêu cầu công ty điện lực (EVN) Chơn Thành tiếp nhận việc sửa chữa, đến đêm ngày 11/9/2022, EVN sửa chữa xong và phát điện bình thường.

Theo lời trình bày của nguyên đơn thì nguyên nhân mất điện lần đầu là vào ngày 07/9/2022 khi mới chạy thử và 02 bên chưa nghiệm thu công trình, nên sự cố này

không được coi là lỗi của công ty A. Còn lần 2 bị mất điện là vào ngày 10/9/2022, sau khi các bên đã nghiệm thu vào ngày 09/9/2022. Tuy nhiên, việc mất điện là do bộ điều khiển điện của công ty bị đơn, không liên quan đến thiết bị do công ty A cung cấp. Hơn nữa, việc bị đơn yêu cầu bên thứ 3 là điện lực Chơn Thành vào sữa chữa nhưng chưa được sự đồng ý của nguyên đơn thì được coi là từ bỏ quyền yêu cầu bảo hành theo hợp đồng mà hai bên đã ký kết. Do vậy, công ty A không vi phạm hợp đồng nên việc công ty Ch tự ý mời nhà sửa chữa khác và không thanh toán số tiền còn lại theo hợp đồng làm ảnh hưởng đến quyền lợi của công ty A.

Còn theo lời trình bày của bị đơn công ty may mặc Ch thì cho rằng: nguyên nhân 02 lần mất điện là do công ty A thiếu kỹ thuật gây thiệt hại cho công ty Ch , cụ thể: Thiệt hại về sản lượng: 145.406.250 đồng; máy dệt kim nhiều máy bị sự cố vải hư: 54.500.000 đồng; máy nén khí 100 mã lực hỏng biến tần: 9.500.000 đồng; tổng chi phí sửa chữa của EVN là 239.479.200 đồng. Vì vậy, tổng thiệt hại của công ty Chdo mất điện là 466.815.065 đồng. Mặt khác, trước khi Ch mời bên thứ 3 vào sửa chữa thì có thông báo cho bên nguyên đơn biết và đồng ý. Do đó, công ty Ch ngưng thanh toán 50% giá trị còn lại của hợp đồng và chỉ đồng ý thanh toán 1 nửa của số tiền còn lại tức là 90.000.000 đồng.

Xét nội dung 02 công ty tranh chấp, HĐXX thấy:

[3.1] Sau khi xảy ra sự cố mất điện vào đêm ngày 09/9/2022, thì Công ty Ch đã mời điện lực Chơn Thành tiếp nhận việc sửa chữa, đến đêm ngày 11/9/2022, thì sửa chữa xong và phát điện bình thường. Bị đơn cho rằng việc thay đổi đơn vị sữa chữa phía nguyên đơn đã biết và đồng ý. Tuy nhiên, nguyên đơn không thừa nhận sự việc này. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, HĐXX đã yêu cầu bị đơn cung cấp chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình và cũng hỏi bị đơn về việc có cần tạm ngừng phiên tòa để bị đơn có thời gian thu thập thêm chứng cứ nhưng người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đã thừa nhận là không thể cung cấp được chứng cứ. Do đó lời trình bày này của bị đơn là không có cơ sở.

[3.2] Đối với những thiệt hại mà bị đơn trình bày HĐXX nhận thấy:

Theo Hợp đồng kinh tế số 0509 ngày 05/9/2022 thì tại Điều 3 thể hiện:

"- Thời gian thực hiện: 07 ngày kể từ ngày hợp đồng được ký kết và bên B nhận tạm ứng đợt 1 của công trình. (Không bao gồm các ngày nghỉ, tết)

- Thời gian bắt đầu: Từ ngày ký hợp đồng

- Thời gian kết thúc: Nghiệm thu đóng điện và bàn giao công trình đưa vào sử dụng";

Như vậy, ngày 09/9/2022 hai bên đã nghiệm thu đóng điện bàn giao công trình theo biên bản nghiệm thu (bút lục số 29) và thời điểm xảy ra sự cố mất điện nằm trong khoảng thời gian 02 bên thỏa thuận nên việc bị đơn cho rằng thiệt hại như trên do nguyên đơn gây ra không có căn cứ. Bên cạnh đó, sau khi bị đơn đã yêu cầu bên thứ 3 sửa chữa thì bị đơn cũng không thông báo để nguyên đơn đến xem xét, xác định lỗi dẫn đến mất điện là thuộc trường hợp khách quan hay là lỗi của đơn vị sửa chữa là công ty A.

Hơn nữa, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa thì ngoài lời trình bày bị đơn không cung cấp được chứng cứ gì để chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự thì: *Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó.* Do đó, lời trình bày của bị đơn là không có cơ sở.

[3.3] Từ những phân tích trên xét thấy: Công ty A đã hoàn thành việc sửa chữa điện cho công ty Ch theo như hợp đồng mà hai bên đã ký kết. Mặc dù sau khi đóng điện vào 16 giờ ngày 09/9/2022 thì đến đêm cùng ngày, phát sinh sự cố mất điện lại, công ty Ch cần thực hiện đúng thoả thuận trong hợp đồng, thông báo cho công ty A để thực hiện nghĩa vụ bảo hành nhưng công ty Ch không để công ty A tiếp tục sửa chữa mà mời một đơn vị khác, sự việc này thể hiện công ty Ch đã tự từ bỏ quyền yêu cầu được bảo hành theo điểm b khoản 3 Điều 4 của hợp đồng mà hai bên đã ký kết: "… *bên B sẽ không chịu trách nhiệm bảo hành trong các trừng hợp sau: ……b. Sự cố do bên A thay đổi hoặc tự ý xử lý mà không thông báo cho bên B được biết*…."

Do đó, có đủ căn cứ xác định công ty A đã thực hiện đúng điều khoản của hợp đồng đã ký kết và căn cứ Điều 6 của Hợp đồng thì bên công ty Ch có nghĩa vụ thanh toán số tiền còn lại 180.140.490 đồng cho công ty A. Việc công ty Ch mời đơn vị khác sửa chữa điện và lấy đó là lý do để từ chối thanh toán số tiền còn lại 50% giá trị hợp đồng cho công ty A là không có cơ sở. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần thương mại xây dựng điện A là có căn cứ phù hợp theo quy định tại Điều 50, Điều 55, Điều 85 và Điều 87 Luật thương mại nên được chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải thanh toán số tiền lãi phát sinh do chậm trả từ ngày phát sinh nghĩa vụ đến ngày nộp đơn khởi kiện theo điều khoản mà hai bên đã ký kết trong hợp đồng, cụ thể lãi suất 10%/năm tính từ ngày 09/9/2022 đến ngày nộp đơn 15/11/2022 là 3.257.335 đồng *(ba triệu hai trăm năm mươi bảy nghìn ba trăm ba mươi lăm đồng);*

Hội đồng xét xử xét thấy: Tại khoản 2 Điều 9 Hợp đồng kinh tế số 0509/HĐKT/AN-CL ngày 05/9/2022 giữa nguyên đơn và bị đơn thì hai công ty thỏa thuận như sau: Phạt hợp đồng do chậm thanh toán: *Nếu đến thời hạn thanh toán, nhưng bên A chậm thanh toán thì phải chịu bồi thường cho bên B với giá trị bồi thường bằng mức lãi suất tín dụng quá hạn của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh…*

Như vậy, việc nguyên đơn yêu cầu tính lãi chậm thanh toán là có cơ sở. Tuy nhiên, tại phiên tòa ngày 21/8/2023 nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi chậm thanh toán đến thời điểm nộp đơn khởi kiện và tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 24/8/2023 nguyên đơn không có ý kiến thay đổi gì. Do đó, Hội đồng xét xử chỉ xem xét yêu cầu tính lãi chậm thanh toán của nguyên đơn từ thời điểm phát sinh nghĩa vụ đến thời điểm nộp đơn khởi kiện.

Ngày 23/8/2023, Tòa án nhận được văn bản trả lời của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh về lãi suất quá hạn của ngân hàng đồng thời cung cấp bảng lãi suất cơ sở hiện hành. Tuy nhiên, tại phiên tòa, cả nguyên đơn và bị đơn cũng không thống nhất việc giải thích điều khoản phạt chậm thanh toán trong hợp đồng được áp dụng với mức lãi suất cấp tín dụng của kỳ hạn vay ngắn hạn hay trung dài hạn. Do đó, HĐXX áp dụng mức lãi suất quá hạn của khoản tín dụng ngắn hạn để có lợi hơn cho bị đơn. Cụ thể, theo văn bản Ngân hàng cung cấp thì lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn và mức lãi suất trong hạn của kỳ hạn vay từ 01-

3 tháng là 6,3% như vậy, lãi suất chậm thanh toán được tính như sau: Lãi quá hạn: 6,3% x 150% = 9,45% /năm;

9,45/năm : 12 tháng = 0,78%/ tháng;

Số ngày chậm thanh toán: 09/9/2022 đến ngày 15/11/2022 là 2 tháng 6 ngày;

Tiền chậm thanh toán là 180.140.490 đồng x 2 tháng 6 ngày x 0,78%/tháng = 3.091.206 đồng;

Như vậy, tiền lãi chậm thanh toán theo nguyên đơn yêu cầu được chấp nhận một phần 3.091.206 đồng;

Không chấp nhận phần 3.257.335 đồng - 3.091.206 = 166.129 đồng.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành là có căn cứ nên được HĐXX chấp nhận.

[6] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm tương ứng với số tiền còn phải trả cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật là 9.161.584. đồng; (*Chín triệu một trăm sáu mươi mốt nghìn năm trăm tám mươi bốn đồng).*

Nguyên đơn phải chịu án phí đối với phần yêu cầu không được chấp nhận là 3.000.000 đồng (*ba triệu đồng*), do thuộc trường hợp án phí kinh doanh thương mại không có giá ngạch.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Căn cứ Khoản 1 và 8, 9 Điều 3, Điều 50, Điều 55; Điều 85 và Điều 87 của Luật thương mại;
- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần thương mại xây dựng điện A.

Buộc công ty trách nhiệm hữu hạn may mặc Ch phải trả cho Công ty cổ phần thương mại xây dựng điện A số tiền 180.140.490 đồng (*Một trăm tám mươi triệu một trăm bốn mươi nghìn bốn trăm chín mươi đồng)* chưa thanh toán theo hợp đồng kinh tế số 0509/HĐKT/AN-CL ngày 05/9/2022;

Buộc công ty trách nhiệm hữu hạn may mặc Ch phải trả tiền lãi chậm thanh toán kể từ ngày 09/9/2022 đến ngày nộp đơn 15/11/2022 là 3.091.206 đồng *(ba triệu không trăm chín mươi mốt nghìn hai trăm lẻ sáu đồng);*

2. Không chấp nhận phần yêu cầu của Công ty cổ phần thương mại xây dựng điện A về việc buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn may mặc Ch thanh toán số tiền lãi phát sinh do chậm trả tính từ ngày 09/9/2022 đến ngày nộp đơn ngày 15/11/2022 với số tiền là 166. 129 đồng (*một trăm sáu mươi sáu nghìn một trăm hai mươi chín đồng);*

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án có cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành theo theo mức lãi quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty trách nhiệm hữu hạn may mặc Ch phải chịu số tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 9.161.584. đồng; (*Chín triệu một trăm sáu mươi mốt nghìn năm trăm tám mươi bốn đồng);*

Công ty cổ phần thương mại xây dựng điện A phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm 3.000.000 đồng; *(ba triệu đồng)* được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 4.585.000 đồng (*bốn triệu năm trăm tám mươi lăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng số 0012129 ngày 09/12/2022. Chi cục thi hành án dân sự thị xã Chơn Thành trả lại cho Công ty cổ phần thương mại xây dựng điện A số tiền 1.585.000 đồng *(một triệu năm trăm tám mươi lăm nghìn đồng)* còn lại.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã Chơn Thành;
- Chi cục THADS thị xã Chơn Thành;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Dương Thị Thúy